

ĐẢM BẢO QUYỀN AN SINH CỦA PHỤ NỮ NÔNG THÔN VIỆT NAM VỚI TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC GIA NHẬP WTO

TRẦN THỊ HỒNG HẠNH*

Sau rất nhiều vòng đàm phán, hơn mười năm kể từ tháng 1 năm 1995, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã tuyên bố Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 vào ngày 11/1/2007. Mục đích gia nhập WTO của Việt Nam không gì khác hơn là hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao thế và lực của Việt Nam trên thương trường quốc tế. Mục đích đó góp phần thực hiện mục tiêu mà Đảng và Nhà nước ta đã đặt ra: “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. Việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới đã mang đến nhiều thuận lợi và cũng đặt ra không ít thách thức với Việt Nam, nhất là với nông nghiệp, nông thôn. Người phụ nữ nông thôn Việt Nam cũng không thể tách mình ra khỏi guồng quay đó.

Quyền của người phụ nữ nói chung và quyền an sinh nói riêng vốn dễ bị xâm hại, liệu có được đảm bảo trong bối cảnh này. Điều 22 Tuyên ngôn thế giới về Nhân quyền năm 1948 nêu rõ: “Với tư cách là thành viên của xã hội, mọi người đều có quyền được hưởng bảo hiểm xã hội cũng như thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội, văn hoá không thể thiếu đối với phẩm giá và sự phát triển tự do phát triển nhân cách của mình thông qua nỗ lực quốc gia, hợp tác quốc tế và phù hợp với hệ thống tổ chức và nguồn lực của mỗi quốc gia” và Điều 9 Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá năm 1966 cũng nêu: “Các quốc gia thành viên của Công ước công nhận quyền của mọi người được hưởng an toàn xã hội, kể cả bảo hiểm xã hội”.

* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Theo Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng⁽¹⁾: thách thức thứ 2 trong 4 thách thức khi Việt Nam gia nhập WTO là : “Sự “phân phối” lợi ích của toàn cầu hoá (giữa các nước và trong một nước) là không đồng đều, do đó đòi hỏi phải có chính sách phúc lợi và an sinh xã hội đúng đắn”. Chính vì thế, Đảng và Chính phủ luôn coi trọng phát triển kinh tế gắn liền với đảm bảo quyền và lợi ích của tất cả mọi người, nhất là những người lao động nghèo.

1. Phụ nữ nông thôn và ảnh hưởng của việc gia nhập WTO

Ở nước ta, số người tham gia hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm khoảng 60% dân số cả nước. Những năm gần đây Việt Nam đã trở thành một quốc gia xuất khẩu nông sản, trong đó xuất khẩu gạo đứng thứ 2 thế giới. Với vị trí như vậy, Nông nghiệp là một ngành quan trọng và then chốt của sự ổn định và phát triển đối với đất nước. Trong bối cảnh hội nhập WTO, nông nghiệp nước ta có thể có thêm nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng có không ít những tác động ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định của nông nghiệp, ảnh hưởng đến người nông dân nghèo và nhất là người phụ nữ.

Việt Nam gia nhập WTO là có cơ hội mở rộng thị trường, phát triển kinh tế. Nông sản được giảm thuế, áp dụng nguyên tắc không phân biệt đối xử “tối huệ quốc” (MFN) và đối xử bình đẳng giữa các quốc gia (NT). Điều đó có nghĩa là sản phẩm do chị em phụ nữ nông thôn làm ra sẽ có khả năng được trả giá xứng đáng với sức lao động của họ, thu nhập của họ theo đó cũng tăng lên. Tuy nhiên, việc gia nhập WTO cũng đòi hỏi nông sản phải có chất lượng cao, lao động phải lành nghề, chuyên môn hoá cao, các khu công nghiệp nông thôn được hình thành và phát triển, điều đó dẫn đến nhiều lao động nông thôn không đủ trình độ đáp ứng công việc, không đảm bảo được việc làm, thu nhập giảm sút. Đó cũng chính là cơ hội và thách thức đối với phụ nữ nông thôn khi Việt Nam gia nhập WTO.

Phụ nữ nông thôn Việt Nam hiện nay là lực lượng tương đối đông đảo, họ chiếm 50,8% dân số và 49% lao động nông thôn⁽²⁾. Tuy nhiên, do trình độ học vấn còn thấp, cơ hội bình đẳng về việc sử dụng đất và sở hữu tài sản thấp hơn so với nam giới. Phụ nữ nông thôn thường sinh đẻ nhiều, chăm sóc trước và sau sinh không tốt, thời gian làm việc nhiều, thiếu thời gian ngủ, nghỉ ngơi hay giải trí. Việc đảm bảo quyền cho phụ nữ nông thôn vốn đã khó khăn, khi gia nhập WTO thì vấn đề này càng trở nên cần thiết hơn.

2. Thực trạng việc thực hiện quyền an sinh

Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay ngoài Bảo hiểm xã hội còn có cứu trợ xã hội, chăm sóc y tế, ưu đãi xã hội, dịch vụ xã hội... Trên thực tế, phụ nữ nông thôn cũng được hưởng lợi từ hệ thống an sinh này nhưng hiệu quả chưa

cao. Khi đất nước hội nhập kinh tế quốc tế (mà cụ thể là tham gia vào các tổ chức khu vực và quốc tế như: ASEAN, WTO...) tạo đà phát triển cho nền kinh tế, thì nhu cầu nâng cao đời sống nhân dân cũng tăng lên, trong đó việc đảm bảo cuộc sống tốt đẹp hơn, phúc lợi nhiều và có chất lượng hơn cho lực lượng lao động tương đối đông đảo trong xã hội là chị em phụ nữ nông thôn cũng là một vấn đề cần được quan tâm.

Bảo hiểm xã hội:

Trước đây, đối với khu vực ngoài quốc doanh, Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với xã viên hợp tác xã các tổ hợp sản xuất tiểu thủ công nghiệp (trong đó có phụ nữ ở khu vực nông thôn) cũng được ban hành (Quyết định 292/BCH-LĐ ngày 15/2/1982 của LHX Trung ương) nhưng chỉ được thực hiện từ năm 1982 đến năm 1989 do nguồn lực tài chính không thể đáp ứng được. Hiện nay, phụ nữ nông thôn không được đóng bảo hiểm xã hội, nên khi về già họ không có lương hưu. Chính vì thế cuộc sống cuối đời của họ phụ thuộc vào con cháu và các chính sách xã hội khác. Đó chính là một vấn đề lớn không phải chỉ riêng Việt Nam mà là của rất nhiều nước nghèo và đang phát triển khác. Việc áp dụng BHXH của mỗi quốc gia là khác nhau tùy vào vấn đề cần thiết phải ưu tiên thực hiện của quốc gia, tùy thuộc vào khả năng tài chính và khả năng quản lý của quốc gia đó. Tuy nhiên, xu hướng chung là đạt mức cao nhất có thể đối với người lao động, nhất là những người lao động nghèo như phụ nữ nông thôn.

Theo Dự án nghiên cứu hành động về các dịch vụ tài chính quản lý rủi ro, thực hiện trong khuôn khổ dự án hợp tác giữa Tổ chức Lao động Quốc tế và Bộ Lao động, Thương binh xã hội, “Mở rộng Chương trình Tài chính và Bảo hiểm vi mô cho Lao động nữ trong Khu vực phi kết cấu”: Bảo hiểm xã hội bắt buộc chỉ áp dụng với khu vực kinh tế chính thức, vì vậy chỉ có khoảng 11% lực lượng lao động ở Việt Nam được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Luật Lao động đã quy định hai hình thức bảo hiểm xã hội cùng được áp dụng là bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện, với mục đích bảo đảm quyền được khám chữa bệnh của tất cả mọi người lao động và gia đình họ. Nhà nước khuyến khích người lao động, trong đó có phụ nữ nông thôn tham gia mua bảo hiểm y tế tự nguyện, nhưng trên thực tế số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện rất thấp. Có thể là do mức đóng bảo hiểm xã hội theo nhiều người nhận định là tương đối cao (tổng cộng cả người lao động và người sử dụng lao động phải đóng 20% mức lương cơ bản). Mức đóng góp 20% là không khả thi đối với người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức.

Trong tháng 6/2007, người dân của toàn huyện Sóc Sơn- thành phố Hà Nội đã được mua thẻ bảo hiểm y tế, đó cũng là một cố gắng lớn của thành phố.

Người phụ nữ cũng như những đối tượng khác đã được thực hiện quyền khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm mang tên mình.

Luật Bảo hiểm xã hội Việt Nam được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ 01/7/2007 đã thể hiện vai trò là văn bản pháp lý quan trọng trong việc bảo vệ lao động nữ trong lĩnh vực an sinh xã hội. Trong đó quy định rõ về chế độ ốm đau, nghỉ dưỡng sức, chế độ thai sản, chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ hưu trí. Tuy nhiên, quyền của người phụ nữ nông thôn vẫn chỉ được hưởng rất ít: ví dụ như quyền chăm sóc về y tế trong thời kỳ thai sản, còn lại họ vẫn chưa có chế độ gì. Nên chăng Nhà nước cần có chính sách cụ thể về bảo hiểm xã hội cho phụ nữ nông thôn?

Thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo trong đó có nhiều phụ nữ nông thôn

Năm 2002, Chương trình “Thẻ bảo hiểm miễn phí cho người nghèo” được tiến hành. Người nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế và có thể nhận được các dịch vụ y tế hoàn toàn miễn phí.

Nguồn kinh phí của Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo 75% do Nhà nước cấp, phần còn lại trích từ kinh phí của địa phương và huy động đóng góp của các tổ chức trong và ngoài nước. Theo Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc mua thẻ bảo hiểm y tế hoặc thanh toán trực tiếp cho mọi dịch vụ khám chữa bệnh từ 50.000-70.000 VNĐ/người/năm nên việc khám, chữa bệnh cho phụ nữ nghèo, trong đó có phụ nữ nông thôn cũng được bảo đảm. Tính đến cuối năm 2003, đã có 1,85 triệu người được cấp thẻ miễn phí và 2,5 triệu người được chăm sóc miễn phí. Thực tế cho thấy, phần lớn trong số họ là phụ nữ và người già ở nông thôn và các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đây là một thành tích không nhỏ của Nhà nước ta đối với vấn đề chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Tuy nhiên, việc xác định đúng đối tượng người nghèo không phải là dễ dàng, có một số nhóm đối tượng nghèo lại không được hưởng các quyền lợi từ Quỹ. Cho đến nay mới chỉ có 20% trong tổng số hộ thuộc đối tượng của Quỹ được cấp thẻ miễn phí, với sự chênh lệch rất lớn giữa các tỉnh. Mặt khác, chất lượng dịch vụ y tế đối với đối tượng có thẻ miễn phí cũng còn nhiều điều phải bàn.

Việc tiếp tục cấp phát thẻ bảo hiểm y tế miễn phí là điều thực sự cần thiết. Điều quan trọng là phải xác định đúng đối tượng người nghèo, nên ưu tiên những người phụ nữ phải làm chủ kinh tế gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.

Khám chữa bệnh cho phụ nữ trong đó có phụ nữ nông thôn

Năm 2003, khám phụ khoa đạt 5,7 triệu lượt người, số lần khám thai bình quân tăng lên đáng kể và đạt 2,5 lượt, tỷ lệ phụ nữ sinh con được cán bộ y tế

chăm sóc đạt 95,8%; có 91% phụ nữ có thai được tiêm chủng uốn ván hai lần trở lên và đạt 2,5 lần/phụ nữ có thai⁽³⁾.

Chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với phụ nữ nông thôn thực sự là vấn đề cần được quan tâm, vì họ thường không có điều kiện cũng như ít hiểu biết về các biện pháp tránh thai, dẫn đến sinh đẻ nhiều nhưng lại làm việc nhiều, không được chăm sóc sau sinh như phụ nữ thành phố.

Việc khám chữa bệnh cho phụ nữ cao tuổi cũng có nhiều chuyển biến nhờ sự phát triển của nền kinh tế và việc triển khai thực hiện Pháp lệnh người cao tuổi. Người cao tuổi được hưởng dịch vụ ưu tiên như khám, chữa bệnh miễn phí; các cụ trên 90 tuổi được cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế theo Nghị định 120/2003/CP của Chính phủ.

Chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ nông thôn nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS

Trong bối cảnh đất nước tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) sự cởi mở của nền kinh tế với nhiều hình thức kinh doanh sản xuất đa dạng cũng tạo điều kiện thuận lợi cho sự gia tăng của đại dịch HIV/AIDS. Hiện nay đại dịch này đã xuất hiện ở 64 tỉnh thành trong cả nước, không kể nông thôn hay thành thị. “Tính đến ngày 30/6/2006 tích lũy HIV trên toàn quốc là 109.989 trường hợp trong đó có 18.581 trường hợp chuyển thành AIDS và 10.785 trường hợp tử vong, trong đó tỉ lệ nữ nhiễm HIV 15,21%; bệnh nhân nữ mắc AIDS là 16,23% và tử vong do AIDS là 15,12%. Trong số 109.989 trường hợp nhiễm HIV có 2,54% đối tượng là gái mại dâm, tỷ lệ lây truyền từ mẹ sang con chiếm 1,08%”⁽⁴⁾. Đến nay, xu hướng “nữ hoá” trong nhiễm HIV/AIDS ngày càng cao hơn. Các chị em ở nông thôn cũng là nạn nhân của HIV/AIDS, họ không có đủ kinh tế để chăm sóc sức khỏe cho bản thân và con cái, vì thế đời sống của họ gặp rất nhiều khó khăn. Sự hỗ trợ của Nhà nước trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ nghèo ở nông thôn bị nhiễm HIV/AIDS và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS là rất cần thiết.

Các chương trình trợ giúp xã hội

Phụ nữ nông thôn được hưởng một số chương trình trợ giúp xã hội như:

Trợ giúp bằng tiền cho thương binh và cựu chiến binh, gia đình liệt sĩ, những người tham gia cách mạng và người có công (1.4 triệu người),

Quỹ cứu trợ thường xuyên,

Quỹ dự phòng cứu đói giáp hạt và cứu trợ thiên tai,

Chương trình xoá đói giảm nghèo.

Ở Việt Nam cũng như nhiều quốc gia đang phát triển khác, phụ nữ nông thôn chính là những người bị tác động nhiều nhất bởi sự đói nghèo. Việt Nam đã gia nhập WTO, kinh tế đất nước thời kỳ đổi mới cũng có bước phát triển mới, nhưng người phụ nữ nông thôn hiện nay vẫn chưa đủ thế và lực để phát huy hết vai trò của mình trong bối cảnh này. Sự nghèo đói chính là nguyên nhân dẫn đến trình độ hạn chế, không có khả năng làm việc trong lĩnh vực có thu nhập cao, vị trí trong gia đình không được coi trọng.

Xoá đói giảm nghèo là chính sách được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm. Năm 1992, xoá đói giảm nghèo đã triển khai ở một số tỉnh, thành phố, đến năm 1994 đã trở thành phong trào mạnh mẽ trong cả nước. “Tỷ lệ nghèo theo chuẩn quốc gia là 12,9%, theo chuẩn quốc tế là 29%, năm 2002. Tỷ lệ thiếu lương thực (% số hộ nghèo, ước tính năm 2002) là: 10,87 %”⁽⁵⁾. Sự quan tâm của Nhà nước cũng như sự tự vận động và giúp đỡ nhau xoá đói giảm nghèo của chính phụ nữ nông thôn đã làm cho kinh tế của chị em vững vàng hơn. Sau đây là ví dụ điển hình:

Một trong những giải pháp được Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Hương Khê-Hà Tĩnh sử dụng để xoá đói giảm nghèo là tranh thủ các nguồn vốn từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Hội đứng ra tín chấp để cung ứng phân bón NPK cho hội viên vay phát triển sản xuất với phương châm: vay đầu vụ, thu hoạch xong mới hoàn trả. Hội phối hợp với Phòng Nông nghiệp, Trung tâm ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, Trạm bảo vệ thực vật, Trạm thú y... tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho bà con kỹ thuật đầu tư thâm canh tăng năng suất cây trồng, con nuôi. “Hoạt động của các cấp Hội đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 36% năm 2001 xuống còn 14% năm 2005”⁽⁶⁾.

Ưu đãi xã hội

Cơ chế ưu đãi xã hội chỉ có trong hệ thống An sinh xã hội Việt Nam, thể hiện rõ bản chất tốt đẹp của dân, do dân và vì dân của Nhà nước ta. Cơ chế này nhằm đảm bảo cho 2 nhóm người chủ yếu như sau: 1- Những người đã có công sức đóng góp cho vận mệnh của đất nước, công cuộc cách mạng của dân tộc. Nhà nước đã phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” cho rất nhiều mẹ, vợ liệt sĩ, đồng thời có nhiều biện pháp hỗ trợ các bà, các mẹ như xây dựng nhà tình nghĩa, cử người chăm sóc các cụ đang sống độc thân và hỗ trợ một số vật chất khác. 2- Những người đã và sẽ cung cấp sức lao động cho nền kinh tế-xã hội bao gồm: những người già, phụ nữ. (Thể hiện qua những văn bản pháp luật sau: Pháp lệnh người cao tuổi, Công ước chống lại mọi sự phân biệt đối xử với phụ nữ và Công ước quốc tế về quyền trẻ em...)

Nguồn tài chính của quỹ là từ ngân sách Nhà nước và sự đóng góp của cộng đồng qua các phong trào, hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, phong trào tình nguyện.

3. Một số giải pháp để đảm bảo tốt hơn quyền an sinh của phụ nữ nông thôn khi Việt Nam gia nhập WTO

Như phân trên đã nhận định, phụ nữ nông thôn thuộc nhóm yếu thế khi đất nước gia nhập WTO, vì họ có trình độ học vấn thấp, kinh tế phụ thuộc nhiều vào nam giới, sức khoẻ hạn chế

Thứ nhất, cần mở rộng chế độ bảo hiểm xã hội áp dụng cho mọi đối tượng, kể cả những người làm việc tại khu vực kinh tế phi chính thức trong đó có phụ nữ nông thôn và bảo đảm tương quan hợp lý giữa mức đóng và mức hưởng.

Trách nhiệm đảm bảo quyền an sinh của phụ nữ nông thôn trước hết thuộc về Nhà nước. Một thời gian dài, cũng do đặc điểm cơ chế quản lý kinh tế-xã hội, chế độ đảm bảo của Bảo hiểm xã hội và An sinh xã hội chỉ mới chăm lo cho công nhân - viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang, người có đóng góp cho cách mạng chứ chưa thực sự mở rộng đảm bảo cho mọi người lao động trong xã hội. Hiện nay, các cơ quan chức năng đang gấp rút tham mưu cho Chính phủ hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội hưu trí tự nguyện để mọi người lao động thuộc các thành phần kinh tế, kể cả người nông dân và lao động tự do được có lương hưu. Chính sách này ban hành, sẽ mở ra cơ hội cho khoảng 30 triệu lao động, trong đó có một số không nhỏ phụ nữ nông thôn tham gia. Mặt khác đảm bảo an sinh xã hội không thể gắn liền với sự bao cấp và miễn phí từ nhà nước như trước đây mà cần huy động từ nhiều phía.

Thứ hai, Nhà nước nên trao quyền chủ động cho địa phương, đặc biệt là cấp xã, giao ngân sách phát triển quỹ cộng đồng ở xã và làng xóm. Bên cạnh đó nên coi trọng sự tham gia tích cực của Hội phụ nữ và các Trung tâm khuyến nông. Tiến hành thử nghiệm các hình thức bảo hiểm cây trồng, vật nuôi hoặc bảo hiểm thị trường cho nông thôn.

Thứ ba, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng đối với phụ nữ nông thôn. Văn kiện Đại hội Đảng X đã khẳng định: “Tăng trưởng kinh tế đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển”, nghĩa là phải đảm bảo cho phụ nữ nông thôn về cơ hội bình đẳng cũng như khả năng ngang bằng với nam giới, đảm bảo phụ nữ nông thôn được học tập và cập nhật các kiến thức khoa học kỹ thuật không thua kém phụ nữ ở thành phố, để họ có thể tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế của đất nước.

Thứ tư, khi xem xét việc quy định các văn bản pháp luật về quyền an sinh của phụ nữ nông thôn phải đặt trong mối quan hệ với các văn bản pháp luật trong nước và Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết, ví dụ: Luật Bình đẳng giới, Luật Lao động, Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc có thời

hạn tại nước ngoài theo hợp đồng... và Công ước về Xoá bỏ tất cả mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu con người*, số 1/2008.

1. <http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=171164&ChannelID=11>
Hoà Văn — Cập nhật : 13/03/2007 22:55
2. Tổng cục Thống kê, năm 2002.
3. Bộ Y tế, năm 2003
4. UNAIDS.
5. UNDP Việt Nam.
6. Báo Hà Tĩnh , 15/1/2007.